

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA DU LỊCH

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Chuyển đổi số trong nhà hàng		
Mã học phần:	71HOSP30302	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71HOSP30302_01		
Hình thức thi: Đồ án/Tiểu luận (Thuyết trình/Không thuyết trình)	Thời gian làm bài:	14	ngày
☒ GV giao đề bài trong thời gian giảng dạy lớp học phần	☐ TT. Khảo thí thiết lập và giao đề bài trên hệ thống thi CTE theo lịch thi Phòng Đào tạo công bố		
☐ Cá nhân	☒ Nhóm	Số SV/nhóm:	8-10
Quy cách đặt tên file	Mã SV_Ho và ten SV_Tên học phần		

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 06/04/2025.**

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TIEUL_De 1

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân tích tầm quan trọng của các công nghệ kỹ thuật số đầy đủ để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan trong ngành Du lịch	Tiểu luận không thuyết trình	60%	1	6	PI 2.3
CLO2	Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp để giải quyết tình huống thực tiễn trong ngành nhà hàng	Tiểu luận không thuyết trình	30%	1	2	PI 5.4
CLO3	Vận dụng công cụ và ứng dụng kỹ thuật số để thực hiện tiếp thị nội dung sáng tạo chiến lược, bao gồm nội dung trực tuyến và đồng sáng tạo để tạo giá trị trong ngành nhà hàng	Tiểu luận không thuyết trình	10%	1	2	PI 8.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm

CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Hãy chọn 1 doanh nghiệp trong ngành Hospitality hoặc Tourism. Tiến hành tìm hiểu và nghiên cứu doanh nghiệp từ đó thực hiện một bản kế hoạch chiến lược chuyển đổi số cho doanh nghiệp để thích ứng với sự thay đổi trong tương lai.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

TRANG BÌA

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN

MỤC LỤC (0.25 điểm)

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN DỰ ÁN (1 điểm)

1.1. Tên dự án, doanh nghiệp, quy mô kinh doanh

1.2. Phong cách – Ý tưởng thiết kế

1.3. Vị trí

1.4. Bộ nhận diện thương hiệu

1.5. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Mục tiêu doanh nghiệp

1.6. Văn hóa doanh nghiệp

CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU SẢN PHẨM KINH DOANH (0.5 điểm)

- Liệt kê, giới thiệu tất cả các sản phẩm doanh nghiệp kinh doanh (tùy thuộc theo mô hình kinh doanh)
- Trình bày tổng quát, nêu bật những nét đặc trưng của sản phẩm kinh doanh

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG (2.0 điểm)

3.1. Phân khúc khách hàng phân tích khách hàng mục tiêu (hành vi, nhu cầu, trải nghiệm, kỳ vọng)

3.2. Xu hướng phát triển chuyển đổi số trong thời gian sắp tới (Sử dụng ít nhất 3 nguồn tài liệu khoa học để dẫn chứng)

3.3. Phân tích SWOT của doanh nghiệp

- Mô hình SWOT
- Từ SWOT, đưa ra vấn đề doanh nghiệp đang gặp phải cần phải chuyển đổi số

3.4. Phân tích đối thủ cạnh tranh

- Khái quát thông tin các đối thủ cạnh tranh (2 trực tiếp và 1 gián tiếp)
- Phân tích và so sánh điểm khác biệt với đối thủ cạnh tranh

CHƯƠNG 4. Digital Transformation Strategy (Chiến lược chuyển đổi số) (3 điểm)

1. Mục tiêu chuyển đổi số cụ thể

- Ví dụ: Tăng 30% đặt phòng trực tuyến trong 1 năm, giảm 20% chi phí vận hành.

2. Các trụ cột công nghệ

- Hệ thống quản lý khách sạn (PMS - Property Management System).
- Ứng dụng AI/Chatbot trong chăm sóc khách hàng.
- IoT & Smart Room (Phòng thông minh, tự động hóa).
- Thanh toán không tiền mặt & blockchain trong đặt phòng.
- Ứng dụng dữ liệu lớn & phân tích hành vi khách hàng.

3. Lộ trình triển khai theo từng giai đoạn

- Giai đoạn 1: Đánh giá hệ thống hiện tại & lập kế hoạch.
- Giai đoạn 2: Triển khai công nghệ cốt lõi.
- Giai đoạn 3: Đào tạo nhân viên & tối ưu hệ thống.
- Giai đoạn 4: Đánh giá hiệu quả & mở rộng quy mô.

CHƯƠNG 5. Financial Plan (Kế hoạch tài chính) (1 điểm)

- Ngân sách dự kiến & chi phí đầu tư công nghệ.

CHƯƠNG 6. HR & Risk Management (Triển khai và quản lý rủi ro) (1 điểm)

- Kế hoạch đào tạo nhân viên.
- Các rủi ro tiềm ẩn & phương án giảm thiểu.

CHƯƠNG 7. Conclusion & Call to Action (Kết luận & Kêu gọi hành động) (1 điểm)

- Tóm tắt lợi ích của kế hoạch và kết luận

TÀI LIỆU THAM KHẢO (0.25 điểm)

PHỤ LỤC (biểu đồ, hình ảnh nếu có)

Trình bày sạch đẹp, rõ ràng, không lỗi chính tả, đúng theo format quy định.

3. Rubric và thang điểm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Thang điểm đánh giá			
		Tốt Từ 8 – 10 đ	Khá Từ 6–dưới 8 đ	Trung bình Từ 4 – dưới 6 đ	Yếu dưới 4 đ
Văn phong, ngôn từ	20	Ngôn từ, câu chữ sử dụng hàn lâm, chính xác, không có lỗi chính tả	Ngôn từ, câu chữ sử dụng hợp lý, vẫn còn một vài lỗi chính tả nhỏ	Ngôn từ, câu chữ sử dụng chưa được hàn lâm, chính xác, lỗi chính tả còn nhiều	Ngôn từ, câu chữ sử dụng hoàn toàn không chính xác, lỗi chính tả nhiều
Trích dẫn	10	Chính xác và đầy đủ	Trích dẫn đủ nhưng vẫn còn một vài lỗi trong định dạng trích dẫn	Thiếu nhiều trích dẫn, định dạng trích dẫn chưa chính xác	Hoàn toàn không trích dẫn
Nội dung	25	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo.	Cách trình bày tương đối rõ ràng, dễ hiểu, tuy nhiên vẫn còn một vài lỗi trình bày	Trình bày sơ sài, giữa các phần thiếu sự liên kết, thiếu sự thu hút được người đọc	Trình bày quá sơ sài, không có tính logic, không có sự liên kết giữa các phần
Tư duy phản biện	25	Lý do cho các sự lựa chọn được giải thích rõ ràng thông qua việc sử dụng hiệu quả các nguồn học thuật để hỗ trợ	Lý do cho các sự lựa chọn được giải thích tương đối rõ tuy nhiên chưa được hỗ trợ nhiều bởi các nguồn học thuật	Các sự lựa chọn chưa được giải thích rõ ràng và rất ít nguồn học thuật được sử dụng để hỗ trợ	Không hoặc rất ít sự giải thích cho các lựa chọn. Hoàn toàn không sử dụng các nguồn học thuật để hỗ trợ

	100				
--	-----	--	--	--	--

Người duyệt đề



TS. Trịnh Thị Thúy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Giảng viên ra đề



ThS. Võ Đức Duy